

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI & NHÂN VĂN

LIU DƯƠNG MINH
(Liu Yangming)

HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM
TỪ NĂM 2013 ĐẾN NĂM 2023

Chuyên ngành: Đông Nam Á học

Mã số: 9310608.02

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ ĐÔNG NAM Á HỌC

HÀ NỘI - 2026

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn,

Đại học Quốc gia Hà Nội

Đại học Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Bùi Thành Nam
2. TS. Hoàng Huệ Anh

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội vào hồi giờ phút ngày tháng năm 2026

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thư viện của Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế về giáo dục trở thành xu thế tất yếu. Chính vì vậy, hợp tác trong giáo dục giữa các quốc gia trở thành vấn đề quan trọng mà các quốc gia cần quan tâm.

Thứ nhất, xuất phát từ mối quan hệ hợp tác giáo dục của Trung Quốc và Việt Nam. Mối quan hệ hợp tác giáo dục lâu dài và sâu sắc giữa hai nước, được củng cố từ sau năm 1991 và nâng tầm với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện từ năm 2008, đã thúc đẩy chia sẻ chính sách và đổi mới giáo dục các cấp. *Thứ hai*, vị trí, vai trò của giáo dục nghề nghiệp (GDNN) trong phát triển kinh tế đất nước, là nơi cung ứng nhân lực lao động qua đào tạo cho thị trường lao động. Thị trường lao động của Trung Quốc và Việt Nam hiện nay đều đang thiếu nguồn lực lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thợ lành nghề có trình độ cao đẳng trung cấp, trong khi lại dư thừa lượng lớn lao động có trình độ đại học trở lên. *Thứ ba*, giai đoạn năm 2013 đến năm 2023, cả Trung Quốc và Việt Nam đều đã có những sự điều chỉnh trong chính sách của Đảng và Nhà nước về hoạt động giáo dục nói chung, trong đó có GDNN. Giai đoạn 2013-2023 đánh dấu sự điều chỉnh lớn về chính sách giáo dục, với việc Trung Quốc đề xuất sáng kiến “Vành đai và Con đường” (BRI), còn Việt Nam ban hành *Nghị quyết 29-NQ/TW* và tăng cường hợp tác GDNN với Trung Quốc. Dù bị gián đoạn bởi dịch Covid-19, hai bên vẫn tích cực duy trì quan hệ hợp tác. Từ thực tế đó, NCS chọn vấn đề **“Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến năm 2023”** làm luận án Tiến sĩ ngành Đông Nam Á học.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu: Hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam từ năm 2013 đến 2023

2.2. Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nội dung: Hợp tác GDNN

giữa Trường – Trường, Trường – Doanh nghiệp; Trường – Trường – Doanh nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam. **Phạm vi thời gian:** Từ năm 2013 đến năm 2023. **Phạm vi không gian:** Sự hợp tác GDNN trong phạm vi giữa các trường cao đẳng Trung Quốc, cũng như các doanh nghiệp Trung Quốc tại Việt Nam với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu: Làm rõ cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn. Nghiên cứu, đánh giá hoạt động hợp tác GDNN giữa hai nước trong giai đoạn 2013-2023, dự báo triển vọng và đề xuất một số giải pháp thúc đẩy mối quan hệ này trong thời gian tới.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu: (1) Tổng quan các tài liệu liên đến hợp tác GDNN của hai nước. (2) Phân tích cơ sở lý luận và thực tiễn hợp tác GDNN của hai nước. (3) Đánh giá thực trạng hợp tác GDNN của hai nước. (4) Dự báo triển vọng và đề xuất giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa hai nước.

4. Giả thuyết và câu hỏi nghiên cứu

Hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam được thực hiện dựa trên cơ sở lý luận và thực tiễn nào? Trong thực tiễn đã có các dự án và mô hình hợp tác GDNN nào và hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng GDNN và chất lượng nguồn nhân lực trong thực tiễn ra sao? Thực tiễn và những vấn đề đặt ra trong hợp tác GDNN giữa Trung Quốc với một số tỉnh thuộc miền Bắc Việt Nam là gì? Triển vọng và giải pháp nâng cao hiệu quả hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam như thế nào?

5. Phương pháp luận, cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

5.1 Phương pháp luận: Sử dụng lý thuyết quan hệ quốc tế.

5.1. Cách tiếp cận: Luận án cũng sử dụng cách tiếp cận hệ thống và lý thuyết khu vực học và cách tiếp cận liên ngành, đa ngành như khoa học giáo dục, khoa học chính sách, lịch sử, địa lý...

5.2. Phương pháp nghiên cứu: Phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp, nghiên cứu so sánh, phỏng vấn chuyên gia.

6. Đóng góp của luận án

Về lý luận: Luận án nghiên cứu một cách hệ thống cơ sở lý luận về hợp tác GDNN của Trung Quốc và Việt Nam nhằm phát triển GDNN và nguồn lực đáp ứng yêu cầu thực tiễn. **Về thực tiễn:** Luận án nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng hợp tác GDNN hai nước, từ đó có những dự báo về triển vọng hợp tác GDNN giữa hai bên. Đồng thời đề xuất một số giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN hai bên.

7. Bố cục của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận án được kết cấu thành 4 chương.

CHƯƠNG 1 TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU

LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

1.1.1. Những công trình nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn

Những công trình tiêu biểu viết bằng tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Việt có “Vocational education and training for development: A policy in need of a theory?”, “Vocational Education Theory”, “International transfer of vocational education and training: a literature review”, “教育国际交流与合作史”; “70 年中国教育的对外开放:中国国际教育发展报告”, “中越高等教育合作探究”, “中国与越南现代教育合作回顾与展望”, “Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”, “Lịch sử giáo dục Việt Nam trước tháng 8 năm 1945”...

1.1.2. Những công trình nghiên cứu thực trạng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Những công trình tiêu biểu viết bằng tiếng Anh, tiếng Trung và tiếng Việt “A Study of China-ASEAN Higher Education

Exchange & Cooperation in the Background of China-ASEAN Strategic Partnership”, “Diagnosis of Vocational Education and Training (TVET) in Vietnam for building further cooperation between EU, Finland and Viet Nam”, “‘一带一路’ 高等教育国别比较研究 I”, “越南职业教育发展与中越职业教育合作展望”, “新中国 70 年职业教育改革发展历程”, “Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”, “Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục Việt-Trung”...

1.1.3. Những công trình nghiên cứu về triển vọng và giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Nghiên cứu triển vọng và giải pháp của GDNN ở Trung Quốc bằng tiếng Anh gồm: “Issues and Problems in the Current Development of Vocational Education in China”; “Understanding Chinese national vocational education reform: a critical policy analysis”; “Higher vocational education in China: A preliminary critical review of developments and issues in Liaoning province”; “The Economic Phenomenon Behind the Education in China, and the Development Prospects and Suggestions for Vocational Education in China”. Các công trình nghiên cứu bằng tiếng Trung, bàn về thực trạng hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam cũng được các học giả Trung Quốc quan tâm nghiên cứu và làm rõ, như các công trình sau: “‘一带一路’ 高等教育国别比较研究I”; “越南职业教育发展与中越职业教育合作展望”; “新中国 70 年职业教育改革发展历程”; “中国与越南现代教育合作回顾与展望”; “中越高等教育合作探究”... Tại Việt Nam, quan tâm nghiên cứu phân tích hiện trạng tình hình hợp tác giáo dục giữa hai nước có công trình tiêu biểu như: “Giao lưu và hợp tác giáo dục Việt-Trung thực trạng và triển vọng nền giáo dục Trung Quốc”; “Nhìn lại 60 năm quan hệ ngoại giao và hợp tác giáo dục

Việt-Trung”; “Hợp tác giáo dục đại học giữa Việt Nam-Trung Quốc những năm gần đây: Thực trạng, vấn đề và triển vọng”; “Kỷ yếu hội thảo: Việt Nam-Trung Quốc tăng cường hợp tác cùng nhau phát triển hướng tới tương lai”...

Tổng quan những công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, thực trạng và triển vọng, giải pháp thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Việt hiện nay chưa có công trình nào trực tiếp nghiên cứu đến. Đó là khoảng trống mà đề tài luận án cần làm sáng tỏ.

1.2. Một số nhận xét về tình hình nghiên cứu đề tài và những vấn đề đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu

(1) Hệ thống hóa lý luận, làm rõ các khái niệm, đặc trưng và vai trò của hợp tác GDNN Trung Việt. (2) Phân tích thực trạng hợp tác giai đoạn 2013-2023, chỉ ra kết quả và tồn tại. (3) Đề xuất nhóm giải pháp chiến lược, khả thi nhằm thúc đẩy hợp tác GDNN giữa hai quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

CHƯƠNG 2 CƠ SỞ LÝ LUẬN, PHÁP LÝ VÀ THỰC TIỄN VỀ HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM NĂM 2013-2023

2.1. Cơ sở lý luận về hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

2.1.1 Những khái niệm liên quan 2.1.1. Giáo dục nghề nghiệp

2.1.1.1. Giáo dục nghề nghiệp

Khái niệm GDNN được hiểu là “Một bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân, với mục đích là đào tạo các trình độ cho người lao động, thực hiện các chương trình đào tạo nghề khác nhằm nâng cao trình độ tay nghề, năng lực chuyên môn, phẩm chất đạo đức cho người lao động đáp ứng được các nhu cầu thiết yếu nhất về nhân lực cung ứng cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất, dịch vụ phát triển kinh tế-xã hội”.

Mục tiêu GDNN của Trung Quốc và Việt Nam: (1) Đào tạo

nguồn nhân tài đa dạng, truyền thụ kỹ thuật và kỹ năng, là phát triển nguồn nhân lực thúc đẩy việc làm và khởi nghiệp; (2) GDNN đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội quốc gia; (3) GDNN đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời cho cộng đồng.

Hệ thống GDNN Trung Quốc và Việt Nam: Hệ thống GDNN ở Trung Quốc bao gồm hệ thống trung cấp và cao đẳng nghề. Hệ thống GDNN ở Việt Nam bao gồm hệ thống trung cấp, cao đẳng nghề, với ba cấp độ: Đào tạo trình độ sơ cấp, đào tạo trình độ trung cấp, đào tạo trình độ cao đẳng.

2.1.1.2. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp

Khái niệm hợp tác GDNN: Theo Luật GDNN của Việt Nam, có thể hiểu rằng hợp tác GDNN là hoạt động phối hợp giữa các cơ sở GDNN của Việt Nam với các tổ chức trong và ngoài nước trong các lĩnh vực như nguồn lực, nhân sự, chương trình đào tạo, công nhận văn bằng chứng chỉ... nhằm nâng cao chất lượng GDNN, hướng tới việc chia sẻ nguồn lực đào tạo và công nhận kết quả học tập lẫn nhau. Các hình thức hợp tác bao gồm liên kết đào tạo, trao đổi giảng viên, doanh nghiệp tham gia đào tạo và hợp tác quốc tế.

Mục tiêu hợp tác GDNN: Theo Luật GDNN năm 2014 của Việt Nam, hợp tác GDNN chủ yếu có hai mục tiêu là: “Nâng cao chất lượng GDNN theo hướng hiện đại, tiếp cận nền GDNN tiên tiến trong khu vực và trên thế giới”. Và “tạo điều kiện để cơ sở GDNN phát triển bền vững, đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Tám loại hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp: Theo Luật GDNN năm 2014 của Việt Nam về hợp tác quốc tế trong GDNN, các hình thức hợp tác quốc tế trong GDNN bao gồm: (i) Liên kết đào tạo; (ii) Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở GDNN nước ngoài tại Việt Nam; (iii) Hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển

giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; (iv) Bồi dưỡng, trao đổi giáo viên, cán bộ quản lý GDNN và người học; (v) Trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung ứng chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo; (vi) Tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế; (vii) Mở văn phòng đại diện cơ sở GDNN của Việt Nam ở nước ngoài; (viii) Các hình thức hợp tác khác theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm các cấp: Bao gồm Trách nhiệm quản lý nhà nước về GDNN; Trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trong hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN

Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp: Mô hình 1+2 và 2+1; Mô hình 1+3; Mô hình 1+4; Mô hình 2+2.

2.1.2. Các lý thuyết nghiên cứu

2.1.2.1. Khu vực học: Sử dụng lý thuyết khu vực học trong nghiên cứu có thể làm rõ bối cảnh lịch sử: quan hệ lâu đời giữa Việt Nam và Trung Quốc trong giao lưu văn hóa, khoa cử và giáo dục; Khía cạnh chính trị - ngoại giao: hợp tác giáo dục nghề nghiệp gắn với chiến lược hợp tác toàn diện, đặc biệt trong khuôn khổ “Một vành đai, Một con đường” và Sáng kiến Hợp tác Lan Thương – Mekong, đồng thời hoạt động hợp tác GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc có ý nghĩa quan trọng đáp ứng nhu cầu nhân lực có tay nghề cao phục vụ công nghiệp hóa tại Việt Nam và sự phát triển của các doanh nghiệp FID của Trung Quốc ở Việt Nam hiện nay trong khuôn khổ hợp tác “Một vành đai, Một con đường”, BRI...

2.1.2.2. Chủ nghĩa Tự do: Sử dụng lý thuyết chủ nghĩa Tự do làm sáng tỏ tính tất yếu khách quan trong hợp tác GDNN Trung Quốc và Việt Nam bởi xu hướng hợp tác GDNN mang lại những lợi ích chung đối với cả hai quốc gia phát triển nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội, tăng năng lực cạnh tranh của nền kinh tế trên thị trường khu vực và quốc tế...

2.1.2.3. Chủ nghĩa kiến tạo: Sử dụng khung lý thuyết của Chủ nghĩa kiến tạo có thể giúp lý giải cách các bên xây dựng hiểu biết, chia sẻ tri thức và phát triển các mô hình hợp tác thông qua tương tác xã hội, văn hóa và bối cảnh lịch sử. Quá trình hợp tác giáo dục và các lĩnh vực khác giúp cho Trung Quốc và Việt Nam có vị thế cao hơn trong trường quốc tế, thu hút được nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao cho phát triển kinh tế-xã hội. Còn đối với Việt Nam cũng sẽ có thêm nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua hợp tác giáo dục, đồng thời thúc đẩy các hoạt động hợp tác trong các lĩnh vực khác

2.2. Cơ sở thực tiễn hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

2.2.1. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp Trung Quốc và Việt Nam

2.2.1.1. Khái quát mối quan hệ giữa Trung Quốc và Việt Nam

Hai nước Trung-Việt núi liền núi, sông liền sông, từ trước đến nay nhân dân hai nước Trung-Việt thường xuyên qua lại giao lưu và học hỏi lẫn nhau. Vì thế, Trung Quốc và Việt Nam đã có lịch sử quan hệ giao lưu hàng ngàn năm nhất là quan hệ giữa nhân dân hai nước. Trong quá trình đấu tranh thống nhất đất nước và trong sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, Việt Nam coi Trung Quốc là đối tác quan trọng, vì thế Trung Quốc và Việt Nam có sự hợp tác trên rất nhiều phương diện như kinh tế, chính trị, văn hóa, quân sự, giáo dục, khoa học kỹ thuật v.v...

2.2.1.2. Khái quát quan hệ hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trước năm 2013

Giai đoạn trước năm 2013, hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam chủ yếu diễn ra trong khuôn khổ quan hệ song phương được củng cố sau khi hai nước bình thường hóa quan hệ ngoại giao năm 1991. Hợp tác trong lĩnh vực này chịu tác động của định hướng xã hội chủ nghĩa và mục tiêu chung về

công nghiệp hóa - hiện đại hóa, trong đó đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật được xem là một trụ cột quan trọng.

2.2.2. Chủ trương đường lối của Trung Quốc và Việt Nam về việc tăng cường hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa hai nước

2.2.2.1. Các thông cáo chung, tuyên bố chung cấp nhà nước

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa Tập Cận Bình gặp gỡ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Trương Tấn Sang, hai bên đã ra tuyên bố chung; Thông cáo chung Trung Quốc-Việt Nam vào tháng 1 năm 2017; Tuyên bố chung Việt Nam-Trung Quốc tháng 11 năm 2022.

2.2.2.2. Các hiệp định giữa Trung Quốc và Việt Nam ở hai cấp Trung ương và địa phương

Trong giai đoạn 2013-2023, hai bên đã ký các hiệp định về giáo dục và GDNV như: “Hiệp định trao đổi” và “Hiệp định trao đổi giáo dục 2016-2020”; Năm 2022, hai nước ký kết “Hiệp định hợp tác trong lĩnh vực giáo dục giữa Chính phủ Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa” (có hiệu lực ngày 01/11/2022).

2.2.2.3. Quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện giữa Trung Quốc và Việt Nam

Tính đến năm 2023, quan hệ đối tác hợp tác chiến lược toàn diện Việt Nam-Trung Quốc đã trải qua 15 năm phát triển (2008-2023). Đến tháng 3 năm 2024, Việt Nam đã ký quan hệ hợp tác chiến lược toàn diện với 7 quốc gia.

2.2.3. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc và Việt Nam

2.2.3.1. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Trung Quốc

Trung Quốc đặt ra mục tiêu chiến lược đặt ra là đến năm 2030, đưa Trung Quốc vào hàng ngũ các quốc gia đổi mới sáng tạo; đến năm 2049, đưa Trung Quốc trở thành cường quốc khoa

học-công nghệ trên thế giới.

2.2.3.2. Chủ trương, chiến lược định hướng phát triển đất nước của Việt Nam

Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng cộng sản Việt Nam: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

2.2.4. Tình hình giáo dục nghề nghiệp Trung Việt

2.2.4.1. Tình hình giáo dục nghề nghiệp của Trung Quốc: Một số thành tựu nổi bật của GDNN ở Trung Quốc hiện nay: Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về GDNN; Nâng cao chất lượng giáo viên trong hệ thống GDNN; Tăng cường hợp tác GDNN với các doanh nghiệp; Đẩy mạnh số hóa GDNN.

2.2.4.2. Tình hình giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam: Hệ thống cơ chế, chính sách trong lĩnh vực GDNN cơ bản được hoàn thiện đi vào thực tiễn; Chương trình, giáo trình đào tạo tại các cơ sở GDNN từng bước được chuẩn hóa; Đội ngũ nhà giáo được chuẩn hóa; Chất lượng đào tạo nghề được nâng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước; Chuyển đổi số trong GDNN đạt được nhiều kết quả tích cực; Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo được chuẩn hóa; Quá trình hội nhập, hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp được mở rộng và phát huy hiệu quả.

2.3. Vai trò ý nghĩa hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, góp phần nâng cao chất lượng GDNN, chất lượng nguồn nhân lực, mở rộng thị trường lao động và phát triển khoa học, công nghệ của Việt Nam.

Thứ hai, giáo dục nói chung và GDNN nói riêng là gốc rễ thúc đẩy kinh tế phát triển nên cùng với sự hình thành của khu

mậu dịch tự do Đông Nam Á, hợp tác và giao lưu giữa Trung Quốc và các nước ASEAN phát triển

Thứ ba, với sự tiến bộ không ngừng của toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế, giao lưu và hợp tác quốc tế về GDNN đã trở thành một chủ đề ngày càng quan trọng.

Thứ tư, GDNN có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế và nâng cao chất lượng lực lượng lao động.

2.4. Các yếu tố ảnh hưởng tới hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, mối quan hệ giữa Việt Nam và Trung Quốc rất đặc biệt trong quan hệ quốc tế. *Thứ hai*, xu thế hợp tác quốc tế gia tăng dẫn đến những cạnh tranh trong hợp tác GDNN của Trung Quốc-Việt Nam với các quốc gia khác trên thế giới; *Thứ ba*, sự gần gũi về mặt địa lý- lịch sử tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác văn hóa, giáo dục Trung Quốc-Việt Nam; *Thứ tư*, yêu cầu của BRI mà Trung Quốc đang triển khai cần có sự hỗ trợ của ngoại giao văn hóa, giáo dục đối với Việt Nam; *Thứ năm*, tác động của khoa học công nghệ đối với hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam; *Thứ sáu*, điều kiện thuận lợi về giao thông, kết nối đa phương tiện giữa Trung Quốc và Việt Nam; *Thứ bảy*, sự phát triển của Trung Quốc về giáo dục nghề nghiệp.

CHƯƠNG 3 THỰC TRẠNG HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2013-2023

3.1. Thành tựu trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

3.1.1. Về số lượng du học sinh Việt Nam ở Trung Quốc

Giai đoạn 2013-2023 chứng kiến sự gia tăng nhanh chóng số lượng du học sinh Việt Nam tại Trung Quốc, phản ánh xu hướng hợp tác giáo dục ngày càng sâu rộng. Năm học 2022-2023, theo Đại sứ quán Trung Quốc, có 23.570 sinh viên Việt Nam theo học

tại nước này, trong đó 1.657 người nhận học bổng Chính phủ và hơn 400 người nhận học bổng Giáo viên tiếng Trung Quốc quốc tế. Kết quả này bắt nguồn từ các hiệp định song phương như Hiệp định hợp tác giáo dục 2016-2020 và Hiệp định năm 2022, góp phần đào tạo cử nhân, thạc sĩ, tiến sĩ và giáo viên tiếng Trung tại Việt Nam. Trung Quốc hiện là một trong ba điểm đến du học hàng đầu của sinh viên Việt Nam tại châu Á, sau Nhật Bản và Hàn Quốc.

3.1.2. Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

3.1.2.1. Về liên kết đào tạo nghề đã triển khai

**Về liên kết đào tạo giữa trường – doanh nghiệp trong hợp tác GDNN*

Năm 2018, Học viện Công nghiệp Logistics Best được thành lập theo hình thức liên kết giữa hai đơn vị trường Cao đẳng Nghề Yên Đài và Công ty TNHH Công nghệ Logistics Best (Trung Quốc). Năm 2022, trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu liên kết với Trung tâm Hoa Lợi Đạt (Việt Nam), Lễ ký kết và khánh thành Học viện Con đường Tơ lụa Trường Thường Phường (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam). Năm 2024, trường Cao đẳng Nghề Giao thông Sơn Đông đã thực hiện hợp tác GDNN với trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (Việt Nam) và Công ty TNHH Công nghệ Goertek (Việt Nam) để thành lập “Học viện Ban Mặc-Việt Nam”, mở ra một hành trình mới trong việc đưa GDNN ra nước ngoài

**Về liên kết đào tạo giữa trường – trường trong hợp tác GDNN*

Trong giai đoạn từ năm 2018-2023, trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây (Trung Quốc) (trước đây là trường Cao đẳng Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây và Đại Học Hải Phòng (Việt Nam) đã có nhiều hoạt động hợp tác GDNN nhằm

thực hiện liên kết đào tạo. Năm 2023, trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây trong khuôn khổ hợp tác GDNN thực hiện liên kết đào tạo với các quốc gia thành viên ASEAN như Việt Nam, Lào, Thái Lan. Năm 2023, trong hoạt động liên kết đào tạo trong hợp tác GDNN giữa trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây và trường Đại học Hải Phòng. Năm 2023, trường Đại học Nghề Nam Ninh (Trung Quốc) trong khuôn khổ hợp tác GDNN với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội (Việt Nam) để triển khai chương trình liên kết đào tạo “2+1”...

3.1.2.2. Về thành lập các cơ sở GDNN tại Việt Nam trong những hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam

Tháng 5 năm 2019, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu (Trung Quốc) và Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương, Công ty TNHH Dệt kim Tô Châu Húc Vinh, Tập đoàn Cổ phần Thiết bị Thông minh Á Long, cùng bàn bạc về việc thành lập “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu-Việt Nam” và ký kết thỏa thuận hợp tác khung giữa nhà trường và doanh nghiệp. Tháng 12 năm 2019, “Trung tâm Đào tạo Con đường Tơ lụa” do trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu hợp tác với Công ty TNHH Máy dệt Ngũ Dương (Việt Nam) đã chính thức được khánh thành tại Khu công nghiệp Thành Công, tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Cũng trong năm 2023, trường Đại học Nghề Nam Ninh hợp tác với Công ty Giáo dục và Đào tạo HICAD Việt Nam, để thành lập các cơ sở đào tạo hải ngoại tại ASEAN.

Tháng 11 năm 2024, trường Cao đẳng Nghề Yên Đài trong khuôn khổ hợp tác GDNN với trường Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng (Việt Nam), đã tham quan cơ sở thực hành kỹ thuật sưởi ấm và làm lạnh. Trong buổi tọa đàm, hai bên đã đạt được thỏa thuận về hợp tác giữa các trường và doanh nghiệp Trung-Việt

trong việc xây dựng chuyên ngành chung và trao đổi giảng viên, đồng thời tổ chức lễ khánh thành Cơ sở thực hành ở nước ngoài của Kinh Đông Phương (BOE).

3.1.2.3. Về hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học

Năm 2017, khuôn khổ chương trình hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam (Trung Quốc) với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam) đã thực hiện hợp tác giáo dục quốc tế, hai bên đã tổ chức 7 lượt trao đổi, chuyên thăm và làm việc, tiến hành 2 hội thảo chuyên đề học thuật và ký kết 4 thỏa thuận hợp tác. Từ ngày 15 đến ngày 16 tháng 11 năm 2019, Hội thảo Quốc tế về Công nghệ Cam lần thứ bảy (ICOT) đã được tổ chức tại trường Cao đẳng Nghề Công nghệ Thông tin Thường Châu. Năm 2021, trong chương trình hợp tác GDNN giữa trường Đại học Kỹ thuật Nghề Nông nghiệp Quảng Tây với một số quốc gia trong ASEN như Lào, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan đã thực hiện Khóa đào tạo ASEAN về sản xuất chăn nuôi tiêu chuẩn hóa thuộc dự án viện trợ giáo dục. Năm 2024, trong chương trình hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam), hai bên đã xây dựng nền tảng hợp tác quốc tế “Tương Hoàn-Bắc Giang”; lần lượt ký kết nhiều thỏa thuận hợp tác...

3.1.2.4. Về bồi dưỡng, trao đổi giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp và học sinh sinh viên

Năm 2015, trong khuôn khổ hợp tác GDNN giữa trường Trung cấp Tĩnh Tây (Trung Quốc) và tỉnh Cao Bằng, Việt Nam, thành phố Tĩnh Tây mở lớp học tiếng Trung ứng dụng dành cho học viên Việt Nam tại trường. Ngày 16 tháng 6 năm 2016, tại Hà Nội, Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN (CATTC) (Đơn vị tổ chức), trường Đại học Y Dược cổ truyền

Quảng Tây Trung Quốc (Đơn vị thực hiện) và Cục Ứng dụng và Phát triển Công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Đơn vị tổ chức) đã diễn ra Hội nghị kết nối công nghệ và đầu tư Trung Quốc-Việt Nam. Trung tâm Chuyển giao Công nghệ Trung Quốc-ASEAN, được thành lập vào tháng 9 năm 2013, đánh dấu một bước tiến mới trong hợp tác khoa học công nghệ giữa Trung Quốc và các nước ASEAN.

3.1.2.5. Về trao đổi thông tin phục vụ hoạt động đào tạo; cung cấp chương trình đào tạo; trao đổi các ấn phẩm, tài liệu và kết quả hoạt động đào tạo

Năm 2020, hoạt động hợp tác GDNN giữa trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu với Khu công nghiệp Thành Công Việt Nam và Tập đoàn Ngũ Dương (Việt Nam) với mục tiêu tích cực hưởng ứng BRI, phục vụ các doanh nghiệp Trung Quốc đang mở rộng ra nước ngoài, trong bối cảnh đại dịch Covid-19, trường Cao đẳng Nghề Dệt may Thường Châu đã hoàn thành và chuyển giao 1 tiêu chuẩn môn học và 1 tài nguyên giảng dạy của môn học “Nhuộm hoàn tất vải dệt kim” cho Công ty TNHH Ngũ Dương Việt Nam. Năm 2021, trong khuôn khổ hoạt động hợp tác GDNN giữa trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Bắc (Trung Quốc) với Công ty TNHH XDD Textile (Việt Nam), đã xây dựng “Tiếng Trung Workshops”. Năm 2023, trong khuôn khổ hoạt động hợp tác GDNN giữa trường Đại học Nghề Nam Ninh với các nước ASEAN, nhà trường đã xây dựng 38 tiêu chuẩn chuyên môn và tiêu chuẩn môn học cho các cơ sở giáo dục tại các nước ASEAN, trong đó có Việt Nam...

3.1.2.6. Về tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực

Việc tham gia các tổ chức giáo dục, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế của Trung Quốc và Việt Nam trong khuôn khổ hợp tác GDNN nhằm tiếp cận các chuẩn mực quốc tế (ví dụ như khung

năng lực nghề ASEAN, chuẩn UNEVOC của UNESCO, tiêu chuẩn kỹ năng nghề nghiệp của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)), từ đó giúp các cơ sở GDNN tiệm cận chương trình đào tạo tiên tiến, công nghệ mới trong GDNN nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực trong bối cảnh toàn cầu hoá, hội nhập quốc và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

3.2. Một số trường hợp tiêu biểu về loại hình hợp tác dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

3.2.1. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường - doanh nghiệp

3.2.1.1. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Công nghiệp nhẹ Liêu Ninh (Trung Quốc) - trường Cao đẳng nghề Bách khoa Hà Nội (Việt Nam) - Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp Hải Trí Thanh Thanh Đảo

Các nội dung hợp tác GDNN của ba bên cụ thể là: Hợp tác đào tạo nghề và ngôn ngữ cho sinh viên; Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo; Cùng xây dựng cơ sở, phát triển hệ thống và chương trình đào tạo; Cùng xây dựng tiêu chuẩn GDNN

3.2.1.2. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Giao thông Sơn Đông (Trung Quốc)-trường Cao đẳng Lý Thái Tổ (Việt Nam)-Công ty Goertek tại Khu công nghiệp Bắc Ninh

Mô hình hợp tác chủ yếu mà Goertek triển khai là hợp tác ba bên “nhà trường-nhà trường-doanh nghiệp”, trong đó, nhiệm vụ chính của trường phía Việt Nam là tuyển sinh sinh viên người Việt và tổ chức đào tạo sơ bộ tại Việt Nam, bao gồm tiếng Trung cơ bản và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản. Trường phía Trung Quốc đảm nhiệm vai trò đào tạo chuyên sâu về tiếng Trung cho sinh viên Việt Nam sang học tại Trung Quốc, nhằm giúp họ sử dụng thành thạo tiếng Trung chuyên ngành và có khả năng giao tiếp trực tiếp với kỹ thuật viên người Trung Quốc cũng như vận hành thiết bị

trong doanh nghiệp. Hiện tại, có hai mô hình hợp tác chính được triển khai của Goertek: Mô hình “1+1+1; Mô hình “2+0,5+0,5”.

3.2.2. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường - doanh nghiệp

3.2.2.1. Mô hình hợp tác của cơ sở giáo dục nghề nghiệp với chi nhánh Công ty Luxshare tại Nghệ An, Việt Nam với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Hình thức hợp tác giữa công ty chi nhánh Luxshare và các trường đại học và cao đẳng tại Việt Nam chủ yếu là tuyển chọn sinh viên năm cuối để hướng dẫn thực tập và đào tạo sinh viên thông qua mô hình lớp đặt hàng với trọng tâm đào tạo là sinh viên chuyên ngành kỹ thuật.

3.2.2.2. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH Ngũ Dương

Trường Cao đẳng nghề Dệt may Thường Châu đã phối hợp với Công ty TNHH Ngũ Dương, Công ty TNHH Dệt kim Tô Châu Húc Vinh và Tập đoàn Thiết bị Thông minh Á Long bàn về việc cùng xây dựng “Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu-Việt Nam” và ký kết thỏa thuận hợp tác khung khổ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Thông qua việc cùng xây dựng chương trình đào tạo chuyên ngành, phát triển các khóa đào tạo nghề và chia sẻ tài nguyên giảng dạy, hai bên đã hình thành một cơ chế đào tạo kết hợp giữa sản xuất và giáo dục, định hướng theo nhu cầu thực tế.

3.2.2.3. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu và Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam)

Tháng 1 năm 2022, trường Cao đẳng Dệt may Thường Châu hợp tác với Công ty TNHH May mặc Hoa Lợi Đạt (Việt Nam) thành lập Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam). Nhà trường dựa vào Hoa Lợi Đạt để tuyển sinh ở nước ngoài, thúc đẩy đào tạo lưu học sinh theo mô

hình lớp đặt hàng, cùng doanh nghiệp bồi dưỡng nhân tài. Qua đó, xây dựng và đưa các chuyên ngành, chương trình giảng dạy và đào tạo theo “Tiêu chuẩn Thường Châu” sang các nước dọc tuyến BRI. Chương trình “Tiếng Trung + Kỹ năng nghề nghiệp”, chuyên ngành thiết kế và công nghệ may mặc của trường kết hợp với Hoa Lợi Đạt thông qua việc cùng xây dựng Học viện Con đường Tơ lụa Thường Châu (Trung tâm Hoa Lợi Đạt Việt Nam) được hoàn thiện.

3.2.3. Mô hình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường – trường

3.2.3.1. Hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa trường Cao đẳng nghề Môi trường và Sinh học Hồ Nam (Trung Quốc) với trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang (Việt Nam)

Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Tổ chức trao đổi đào tạo; Hợp tác chuyển giao công nghệ trong đào tạo.

3.2.3.2. Hợp tác giữa Trường Cao đẳng Nghề Nam Ninh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam

Các hình thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp bao gồm: Về liên kết đào tạo sinh viên trong hợp tác GDNN; Tổ chức hội nghị, bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý và người học; Hợp tác công nghiệp xuyên biên giới.

CHƯƠNG 4 ĐÁNH GIÁ TRIỂN VỌNG VÀ GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY HỢP TÁC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIỮA TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

4.1. Đánh giá về kết quả hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

4.1.1. Những kết quả và nguyên nhân

4.1.1.1. Những kết quả đạt được trong hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013-2023

Thứ nhất, Chính phủ, các địa phương và các cơ sở GDNN Trung Quốc và Việt Nam đã thúc đẩy trao đổi và hợp tác quốc tế về GDNN bằng cách ký kết các thỏa thuận hợp tác và thỏa thuận khung, hiệp định về hợp tác giáo dục nói chung và GDNN nói riêng; *Thứ hai*, các dự án hợp tác Trung-Việt trong lĩnh vực GDNN chủ yếu tập trung vào đào tạo kỹ thuật và trao đổi nhân sự; *Thứ ba*, hợp tác giữa Trung Quốc và Việt Nam trong lĩnh vực GDNN đã tăng cường sự tham gia và hợp tác của các doanh nghiệp; *Thứ tư*, một số cơ sở GDNN, cao đẳng, đại học cũng đã thực hiện các dự án hợp tác xuyên biên giới; *Thứ năm*, hoạt động hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam giúp thúc đẩy hội nhập quốc tế của khu vực của cả hai quốc gia.

4.1.2. Hạn chế và nguyên nhân của hạn chế

4.1.2.1. Hạn chế trong hợp tác

Thứ nhất, phạm vi và quy mô hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam còn nhỏ; *Thứ hai*, hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam chưa đi vào chiều sâu, chưa mang tính toàn diện tương xứng với tiềm năng, triển vọng hợp tác GDNN giữa hai quốc gia; *Thứ ba*, trong hoạt động hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay đang có sự mất cân bằng trong trao đổi giáo dục giữa hai nước; *Thứ tư*, ngoài việc chất lượng tuyển sinh giảm sút do tiêu chuẩn tuyển chọn thiếu nghiêm ngặt, chất lượng đào tạo du học của một số trường ở Trung Quốc cũng không cao do thiếu quản lý chặt chẽ các cơ sở giáo dục; *Thứ năm*, rào cản về ngôn ngữ, cộng với sự khác biệt về cách hiểu giữa nhà trường và doanh nghiệp đối với “đào tạo tiếng Trung” đang trở thành một thách thức lớn trong hợp tác GDNN; *Thứ sáu*, khó khăn chủ yếu mà doanh nghiệp gặp phải là nội dung đào tạo của nhà trường chưa thực sự phù hợp với yêu cầu cụ thể của từng vị trí việc làm.

4.1.2.2. Nguyên nhân dẫn đến những hạn chế

Thứ nhất, sự khác biệt về hệ thống GDNN giữa hai quốc gia, hai bên vẫn chưa hoàn toàn công nhận lẫn nhau về tín chỉ, trình độ học vấn, bằng cấp và tiêu chí, tiêu chuẩn GDNN của hai quốc gia còn khoảng cách; *Thứ hai*, cơ cấu sinh viên hai nước mất cân bằng và chênh lệch về trình độ giáo dục; *Thứ ba*, hợp tác GDNN Trung Quốc-Việt Nam bị ảnh hưởng bởi sự thiếu hụt về nguồn lực phát triển giáo dục; *Thứ tư*, một số cơ sở GDNN của Trung Quốc cũng như Việt Nam chưa đánh giá đúng, đầy đủ về vai trò của hợp tác quốc tế trong việc xây dựng thương hiệu và tăng cường chất lượng GDNN; *Thứ năm*, vẫn còn những vấn đề lịch sử trong quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc chưa được tháo gỡ.

4.2. Bối cảnh hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam hiện nay

Thứ nhất, xu thế phát triển của khoa học - công nghệ; Thứ hai, bối cảnh chính trị và chính sách ưu tiên phát triển nguồn nhân lực của hai quốc gia; Thứ ba, hợp tác khu vực và cơ hội mở rộng không gian hợp tác giáo dục nghề nghiệp,

4.3. Triển vọng hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

Thứ nhất, trong bối cảnh toàn cầu hóa, việc trao đổi giáo dục nói chung và GDNN nói riêng thường xuyên giữa các quốc gia là tất yếu khách quan, cần được các chính phủ khuyến khích; *Thứ hai*, hợp tác GDNN được cả hai quốc gia đánh giá cao và khuyến khích; *Thứ ba*, Việt Nam và Trung Quốc có nhiều nét văn hóa, một số phong tục, tập quán tương đồng nên có điều kiện tốt để phát triển giao lưu giáo dục giữa hai nước; *Thứ tư*, cửa ngõ quan trọng để Trung Quốc hướng Nam, mở rộng quan hệ với các nước ASEAN; *Thứ năm*, Việt Nam và Trung Quốc đều có chiến lược tăng cường phát triển GDNN, vì thế, tăng cường giao lưu hợp tác GDNN có ý nghĩa quan trọng góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của hai quốc gia;

Thứ sáu, hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam có ý nghĩa quan trọng đối với phục vụ cho khu mậu dịch tự do Trung Quốc-ASEAN; *Thứ bảy*, Trung Quốc và Việt Nam là láng giềng hữu nghị núi liền núi sông liền sông. Hai nước đều do Đảng cộng sản lãnh đạo, cùng có mục tiêu chung là xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa.

4.4. Giải pháp thúc đẩy hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam trong tương lai

4.4.1. Tăng cường và đổi mới phương thức hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam

(1) Chính phủ hai nước cần cung cấp nhiều hơn nữa các suất học bổng cũng như định hướng ngành nghề liên quan đến đào tạo chuyên ngành, đặc biệt là chuyên ngành về khoa học công nghệ trong đào tạo nguồn nhân lực; (2) tích cực khai thác các hình thức trao đổi giáo dục giữa các trường đại học nghề và trường cao đẳng nghề của hai nước; (3) tích cực khai thác các hình thức trao đổi giáo dục giữa các trường đại học nghề và trường cao đẳng nghề của hai nước; (4) hai nước cũng cần cổ vũ hơn nữa hợp tác giáo dục giữa các đại học tư nhân; (5) ngoài ra, cần chú trọng, thúc đẩy phát triển hơn nữa hợp tác giáo dục giữa các tỉnh biên giới của Việt Nam và Trung Quốc

4.4.2. Nâng cao khả năng quốc tế hóa của giáo viên và học sinh hai nước

Cả Trung Quốc và Việt Nam đều cần tạo cơ hội và nền tảng cho giáo viên và học sinh tích cực tham gia các hoạt động giao lưu quốc tế. Ví dụ, các đối tác hợp tác nên thực hiện các chương trình trao đổi sinh viên giáo viên, đồng thời tổ chức các hội thảo quốc tế về GDNN, trao đổi học thuật, giáo viên có thể liên tục nâng cao tầm nhìn quốc tế và tích lũy kiến thức, từ đó nâng cao khả năng quốc tế hóa.

4.4.3. Cân đối nguồn lực và trình độ phát triển giáo dục giữa Trung Quốc và Việt Nam

(1) Tăng cường chia sẻ và hợp tác nguồn lực, thúc đẩy phân phối cân bằng tài nguyên giáo dục thông qua các nền tảng hợp tác liên vùng. (2) Đẩy mạnh phối hợp, hợp tác quy hoạch phát triển giáo dục, đạt được sự cân đối, phối hợp các cấp độ phát triển.

4.4.4. Tăng cường quản lý hoạt động hợp tác giáo dục nghề nghiệp và thiết lập cơ chế hợp tác lâu dài giữa Trung Quốc và Việt Nam

(1) Đẩy mạnh xây dựng khuôn khổ, thỏa thuận hợp tác lâu dài, tăng cường trách nhiệm, nghĩa vụ của các bên, bảo đảm hoạt động ổn định các dự án hợp tác. (2) Thiết lập cơ chế quản lý dự án hợp lý để đảm bảo tính bền vững và phát triển lâu dài của các dự án, chương trình hợp tác giáo dục nghề nghiệp giữa Trung Quốc và Việt Nam.

4.4.5. Tăng cường chiều sâu hợp tác giáo dục nghề nghiệp trong các ngành, lĩnh vực liên quan xung quanh các dự án BRI và thông qua nền tảng ASEAN

Quốc tế hóa GDNN thông qua BRI không chỉ thúc đẩy phát triển kinh tế mà còn là kênh giao lưu văn hóa giáo dục hiệu quả. Để nâng cao hiệu quả hợp tác, Việt Nam cần hoàn thiện chính sách và tận dụng cơ hội từ cả BRI lẫn ASEAN nhằm nâng cao chất lượng và vị thế giáo dục đại học.

4.4.6. Một số giải pháp đối với Việt Nam

(1) tiếp tục hoàn thiện thể chế, chính sách quản lý giáo dục và đào tạo trong hợp tác quốc tế về giáo dục nói chung và GDNN nói riêng. (2) cải thiện các chính sách hợp tác quốc tế trong GDNN. (3) các cơ quan liên quan của Chính phủ như Bộ Giáo dục và Đào tạo cần nghiên cứu thúc đẩy hợp tác quốc tế ở cấp cao; các cơ sở giáo dục đại học cần xây dựng các chương trình liên kết đào tạo mà Trung Quốc có thể mạnh như khoa học trí tuệ nhân tạo, sinh học và kỹ thuật...(4) nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Việt Nam, hướng tới được công nhận ở nhiều nước

trên thế giới nói chung và được Trung Quốc công nhận nói riêng. (5) nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy về hợp tác GDNN Việt Nam và Trung Quốc. (6) phát huy tính chủ động, tích cực trong hợp tác quốc tế về GDNN giữa Việt Nam và Trung Quốc.

KẾT LUẬN

GDNN giữ vai trò quan trọng trong đào tạo nguồn nhân lực và đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam là một giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thúc đẩy quan hệ hợp tác song phương. Luận án đã hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam, làm rõ các khái niệm, cơ sở lý thuyết, bối cảnh phát triển, thực trạng GDNN của hai nước, cũng như vai trò và các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động hợp tác. Trên cơ sở đó, luận án nghiên cứu và đánh giá toàn diện thực trạng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam giai đoạn 2013–2023. Kết quả nghiên cứu cho thấy hợp tác GDNN giữa hai nước đã đạt được nhiều thành tựu trên các lĩnh vực như đào tạo lưu học sinh, liên kết đào tạo nghề, thành lập cơ sở GDNN, hợp tác nghiên cứu khoa học, chia sẻ chương trình đào tạo v.v. Luận án cũng phân tích một số mô hình hợp tác tiêu biểu giữa nhà trường và doanh nghiệp, giữa các cơ sở GDNN của hai nước, qua đó làm rõ những kinh nghiệm thực tiễn và giá trị tham khảo cho việc mở rộng hợp tác trong tương lai. Trên cơ sở phân tích những kết quả đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của các hạn chế trong giai đoạn 2013–2023, luận án dự báo triển vọng hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong thời gian tới. Đồng thời, luận án đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hợp tác, bao gồm đổi mới phương thức hợp tác, nâng cao năng lực quốc tế hóa của giáo viên và người học, tăng cường cơ chế quản lý và hợp tác lâu dài,

thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực liên quan đến Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI) và ASEAN, cũng như các giải pháp phù hợp đối với Việt Nam. Tổng thể, kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc thúc đẩy hợp tác GDNN giữa Trung Quốc và Việt Nam trong giai đoạn mới.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Liu Yangming, Duong Thi Huong (2024), “*The impact of artificial intelligence on the labor market and some adaptive solutions for vocational education in China today*”, Proceedings of the 19th International Conference on Humanities and Social Sciences (IC-HUSO 2024), Khon Kaen University, Thailand, 341-344.

2. 刘洋铭 (2025), “中国式现代化视域下面向东盟的职业教育国际化路径探” [J] *现代教育论坛*, 8(8), 99-101.

3. 刘洋铭, 杜文会 (2025), “基于元宇宙的 ‘中文+职业技能’ 教学模式研究”, Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế Xây dựng chương trình, phát triển học liệu và ứng dụng công nghệ trong giảng dạy tiếng Trung Quốc, Đại học Đại Nam, Hà Nội, 306-313.

4. 董博, 金松, 刘洋铭*(Tác giả liên hệ), (2026), “高职 ‘新商科’ 学生就业能力提升探究——基于就业内驱力视角” [J] *深圳青年*, (5), 140-142.

5. 董博, 金松, 刘洋铭*(Tác giả liên hệ), (2026), “数智化时代高职学生就业能力提升——基于非认知人力资本视角” [J] *教育发展与创新*, (5), 13-15.